Database Management Systems

April 1, 2025

1 ERD

1.1 Thực thể (Entity)

- Thực thể
- Thực thể yếu (Weak)

1.2 Thuộc tính (Attribute)

- Đơn trị
- Đa trị
- Kết hợp
- Suy diễn
- Khoá chính

1.3 Mối quan hệ (Relationship)

- 1-1
- 1-n
- n-n
- Vòng

2 RDM

2.1 Thành phần

- Lược đồ quan hệ (Schema Relational)
- Thuộc tính (Attributes)
- Miền giá trị (Domain)
- Bộ (Tuples)
- Lược đồ CSDL (Schema DBMS)
- Mô hình dữ liệu quan hệ (RDM)

2.2 Ký hiệu

$$R(A_1:D_1,A_2:D_2,\dots,An:D_n)$$

$$R(A_1,A2,\dots,A_n)$$

$$DOM(A) \text{ or } MGT(A)$$

$$t[A] \text{ or } t.A$$

3 ERD to RDM

3.1 Mối quan hệ

IDEA: Lấy khoá của Rx làm khoá chính Ry

3.1.1 1-1

Đối xứng.

3.1.2 1-n

Khoá chính bên nhiều đặt làm khoá ngoại bên ít.

3.1.3 n-n

R(< Khoá ngoại 1>,< Khoá ngoại $2>,\ldots,<$ Thuộc tính của quan hệ (nếu có) $>,\ldots)$

3.2 Thực thể yếu

R(<key chính của entity phụ thuộc vào $>, A_1, A_2, \ldots)$

• Thực thể R liên kết với thực thể yếu TTY: R chứa khoá chính của tất cả khoá của TTY.

$$\text{E.g. } TTY(A_1,A_2,\ldots,A_n) \ \rightarrow \ R(A_1,A_2,\ldots,A_n).$$

• Dựa vào phân biệt của thực thể khác \rightarrow thực thể yếu.

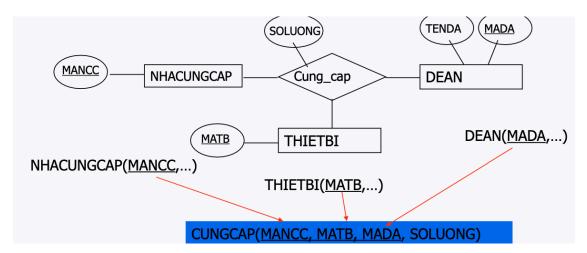
3.3 Thuộc tính đa trị

$$R(<{\rm Key}$$
chính của Tuple $>,A_1,A_2,\ldots)$



3.4 Liên kết đa ngôi

 $R(< KEY1>, < KEY2>, < KEY3>, \ldots, <$ Thuộc tính của quan hệ (nếu có) >, ...)



4 Relational Algebra

4.1 Tính khả hợp (Union compatibility)

$$R(A_1, A_2, \dots, A_n)S(B_1, B_2, \dots, B_n)$$

- Cùng bậc n (n attribute).
- $\bullet \ \ DOM(A_i) = DOM(B_i) \quad \forall i \in \overline{1,n}$

4.2 Phép toán

4.2.1 Giao

- Tập hợp: \cap
- Mệnh đề: ∧

4.2.2 Hợp

- Tập hợp: ∪
- Mệnh đề: ∨

4.2.3 Trừ

• Tập hợp, mệnh đề: -

4.2.4 Chọn

$$\sigma_n(R)$$

- p: Điều kiện (Mệnh đề \leftarrow Phép giao hợp trừ).
- Có tính giao hoán.

4.2.5 Chiếu

$$\pi_{A_1,A_2,\dots,A_k}(R)$$

- A_1, A_2, \dots, A_k : Attribute.
- Trong quá trình chiếu loại bỏ bộ (tuples) trùng nhau. $\left(t[\pi_{A_1,A_2,\dots,A_k}(R)] \leq t[R]\right)$
- Không có tính giao hoán.

4.2.6 Chiếu tổng quát

$$\pi_{F_1(A_1),F_2(A_2),\dots,F_k(A_k)}(R)$$

4.2.7 Gán

 \leftarrow

E.g. $S \leftarrow \sigma_p(R), S \leftarrow \pi_{A_1, A_2, \dots, A_n}(R)$.

4.2.8 Đổi tên

 $\rho_S(R)$

- R: Quan hệ, với R(B,C,D).
- S: Tên thay thế cho R.
- $R(B,C,D) \rightarrow S(B,C,D)$.

 $\rho_{X,C,D}(R)$

• $R(B,C,D) \rightarrow R(X,C,D)$.

 $\rho_{S(X,C,D)}(R)$

• $R(B,C,D) \rightarrow S(X,C,D)$.

4.2.9 Tích Descartesian

 $R \times S$

- Xuất ra table (tổ hợp) mới với
 - -n+m attribute.
 - $-u \times v$ tuble.

4.2.10 Kết

Theta

 $R\bowtie_{\rm DK} S$

• Xuất ra table mới.

Bằng

$$R \bowtie_{R.A=S.B} S$$

• Xuất ra table mới.

Tự nhiên

 $R \bowtie S$

- Attribute:
 - Cùng NAME.
 - Cùng DOM.
- Tự delete Attribute trùng tên.
- Xuất ra table mới.

4.2.11 Chia

$$R(Z) \div S(X)$$

- $X \subseteq Z$.
- Xuất ra Q(Z-X). (Loại bỏ A_i của S trong R)
- Dùng khi: Lấy ra cái này thoả hết tất cả cái kia.

E.g. R(A,B,C,D,E) và $S(D,E).\ R \div S$ ra Q(A,B,C)

4.2.12 Hàm kết hợp

- $SUM(A_i)$
- $AVG(A_i)$
- $COUNT(A_i)$
- $MIN(A_i)$
- $MAX(A_i)$

4.2.13 Gom nhóm

$$G_1, G_2, \dots, G_n \Im_{F_1(A_1), F_2(A_2), \dots, F_n(A_n)}(R)$$

- G_i : Attribute cần gom.
- $F_i(A_i)$: Sử dụng hàm kết hợp lên Ai.
- R: Table nguồn.
- Xuất ra table mới.

4.3 Thao tác

4.3.1 Thêm

$$R_{\text{new}} \leftarrow R_{\text{old}} \cup E$$

- E & R khả hợp.
- E: Biểu thức Đại số quan hệ.

E.g. $PHANCONG \leftarrow PHANCONG('Bancie', 20, 10)$.

4.3.2 Xoá

$$R_{\text{new}} \leftarrow R_{\text{old}} - E$$

 $\text{E.g. PHANCONG} \leftarrow \text{PHANCONG} - \ \sigma_{\text{MANV}='123'}(\text{PHANCONG}).$

4.3.3 Sửa

$$R_{\text{new}} \leftarrow \pi_{F_1(A_1), F_2(A_2), \dots, F_n(A_n)}(R_{\text{old}})$$

4.4 Kiểu thực hiện

4.4.1 Lồng

$$\sigma_p(\pi_{A_1,A_2,\dots,A_k}(\sigma_p(R)))$$

4.4.2 Từng bước

B1:
$$R2 \leftarrow \sigma_p(R1)$$

B2:
$$R3 \leftarrow \pi_{A_1,A_2,\dots,A_k}(R2)$$

:

 \mathbf{B}_{n}

5 SQL

- 5.1 Tạo bảng
- 5.2 RBTV
- 5.3 Sửa Table
- 5.4 Xoá Table